

Bản tin Phân tích kỹ thuật

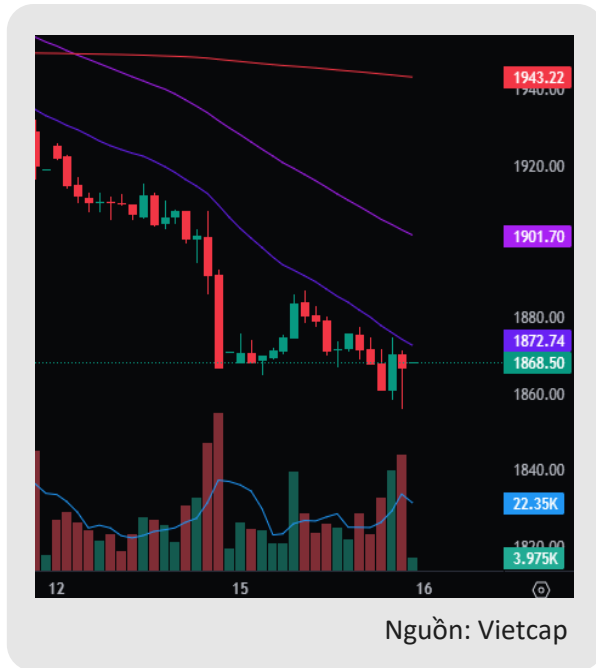
15/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2512 giảm co sau phiên giảm mạnh 12/12 cho thấy đà giảm đã chững lại. (M15)
- Dự báo hợp đồng này sẽ có được quán tính tăng, kiểm định lại vùng 1.886 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.873 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS) 1.873 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.886 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.868 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính

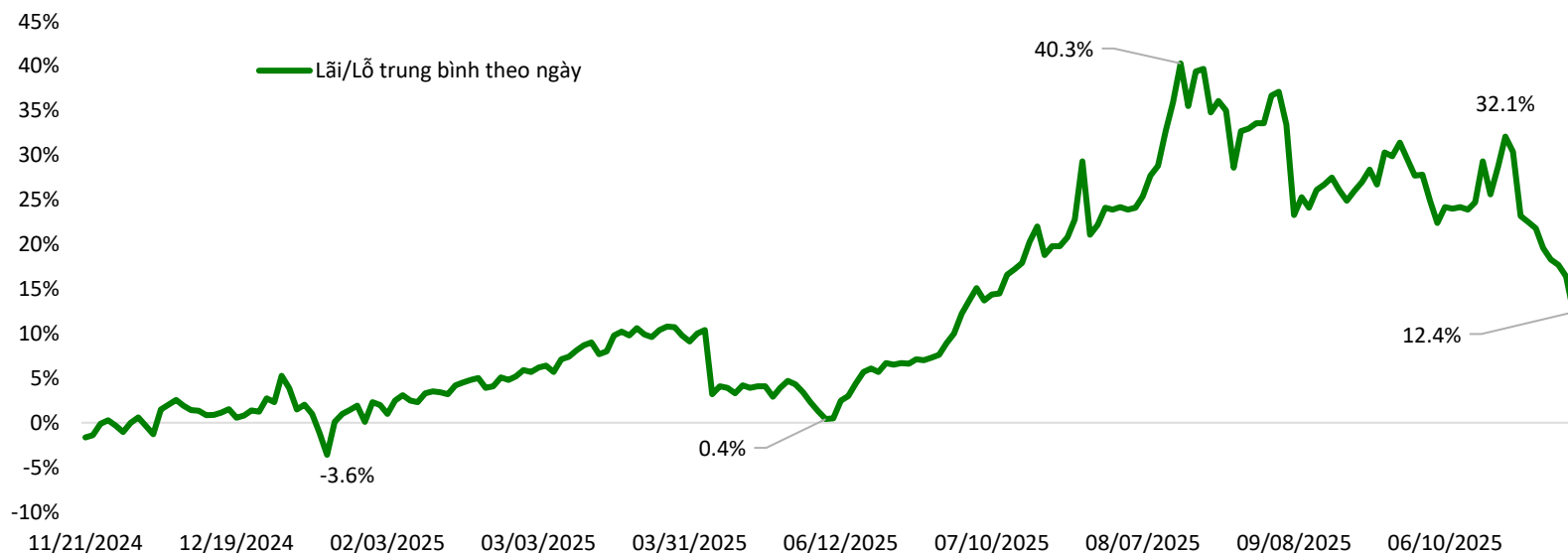


Nguồn: Vietcap

- VN-Index đóng cửa quanh tham chiếu sau phiên giao động mạnh cho thấy sự cân bằng bắt đầu xuất hiện. Áp lực bán tháo tạm chững lại bởi thanh khoản sàn HOSE giảm 28% vs phiên 12/12. Tuy nhiên, tín hiệu ngắn hạn Tiêu cực vẫn hiện hữu trên tất cả các chỉ số và không ghi nhận sự gia tăng đáng kể từ lực cầu vùng thấp.
- Đi kèm với sự suy giảm của lực bán, hoạt động mua vùng thấp cũng thể hiện sự do dự nhất định trên các nhóm ngành chủ đạo như Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ,... Về tín hiệu kỹ thuật diện rộng, tất cả cổ phiếu Ngân hàng, 88% cổ phiếu Bất động sản, trên 70% cổ phiếu Bán lẻ đều đang chịu quán tính điều chỉnh.
- Chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ dao động trong biên độ 1.630-1.670 (+/- 10) điểm trong thời gian tới dựa trên hoạt động bán tháo đang có chiều hướng thuyên giảm. Chỉ số sẽ bước vào giai đoạn tích lũy trở lại lực cầu và xác suất tạo đáy sẽ được gia tăng nếu hoạt động cung vùng giá cao được tiết chế ở mức thấp.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
KDH	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	32,500	34,000	-4.4%	33,300	38,000	32,900	
CEO	05/12/2025	10/12/2025	Dừng lỗ	24,200	26,000	-6.9%	24,400	31,000		
DGW	05/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	41,000	43,550	-5.9%	41,000	49,400		
MBB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	24,000	25,000	-4.0%	24,200	28,400		
TCB	09/12/2025	12/12/2025	Dừng lỗ	32,000	33,600	-4.8%	32,400	38,500		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPL	78,800	-6.97%	-25.87%	141,312	-6.007	-60	3.9	-1,321.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VIC	142,900	-0.76%	-6.42%	1,101,192	-5.133	1,147	7.6	124.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,500	3.58%	-7.41%	218,183	4.764	2,603	1.4	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCX	46,750	6.61%	0.75%	108,054	4.361	2,390	2.5	19.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VHM	92,500	-1.70%	-15.91%	379,936	-3.942	6,133	1.8	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BSR	14,400	6.67%	-3.36%	72,105	2.933	413	1.3	34.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	42,800	-3.17%	-7.56%	127,856	-2.471	3,469	2.9	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	62,000	2.99%	-2.36%	129,577	2.364	4,160	3.8	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	28,900	5.28%	-12.29%	65,670	2.117	2,144	1.4	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	170,800	-5.11%	-23.24%	62,513	-1.950	9,095	8.4	18.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MBB	23,750	-1.04%	-6.13%	191,306	-1.216	3,017	1.5	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GAS	62,100	1.31%	-5.05%	149,844	1.193	5,014	2.3	12.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
HPG	26,250	0.96%	-1.87%	201,481	1.182	1,876	1.6	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,900	1.89%	-5.45%	83,699	0.967	3,765	15.0	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	46,800	1.74%	-3.90%	88,228	0.936	6,519	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	106,800	-5.49%	-9.49%	21,360	-0.577	9,526	4.7	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	20,900	-5.43%	-15.73%	11,859	-0.317	360	1.9	58.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	86,700	-2.58%	-14.83%	20,309	-0.259	5,156	2.3	16.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DTK	12,300	6.03%	-0.81%	8,398	0.250	1,116	1.0	11.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	31,000	2.65%	-2.52%	15,854	0.207	2,841	1.1	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NTP	63,300	-2.62%	-0.94%	10,827	-0.139	5,885	2.7	10.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PGS	50,500	9.31%	9.31%	2,525	0.116	2,386	2.5	21.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	15,300	-1.29%	-7.83%	16,345	-0.104	488	1.5	31.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,400	0.75%	-3.60%	25,790	0.096	-3,691	3.8	-3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,100	1.40%	-4.24%	13,700	0.095	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	52,300	-0.95%	-2.06%	187,606	-0.212	2,971	2.8	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MCH	211,800	-0.56%	-1.35%	225,742	-0.151	7,722	14.1	27.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VCR	42,500	-12.37%	-13.27%	9,555	-0.141	-134	6.1	-338.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	43,100	-2.05%	-9.26%	51,815	-0.126	1,438	3.8	30.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSF	24,000	-5.51%	-7.69%	12,537	-0.082	35	5.5	725.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGI	68,800	-0.29%	-4.71%	210,513	-0.073	3,046	5.6	22.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	25,500	-1.92%	-2.30%	28,309	-0.065	-389	2.4	-66.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,900	-3.25%	-3.25%	15,564	-0.060	1,997	1.0	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	61,700	0.82%	-4.49%	45,464	0.044	4,405	4.4	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	60,000	6.01%	6.01%	4,952	0.035	5,256	4.1	11.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

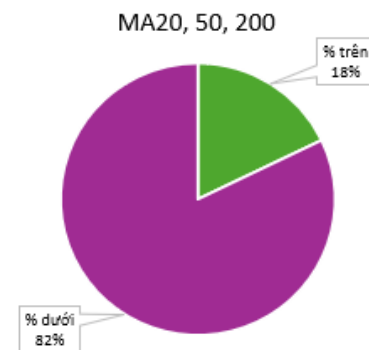
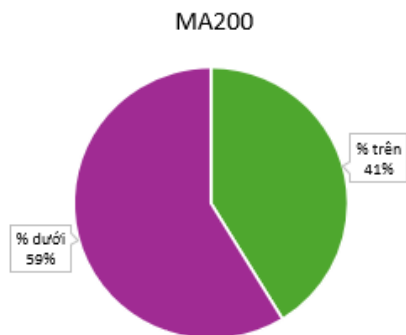
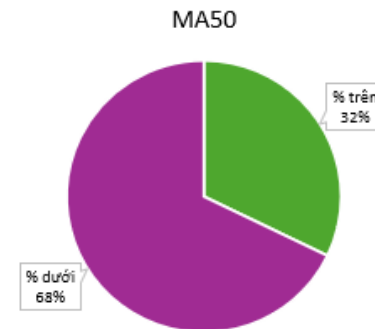
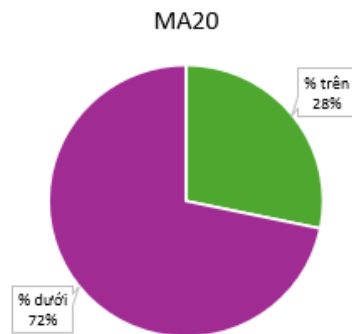
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
QCG	18,800	6.8%	33.3	13.5	8,650	17,600	1.2	46.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
FTS	31,800	-0.6%	20.2	32.4	31,861	46,401	2.6	25.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TCX	46,750	6.6%	210.0	84.4	42,800	48,950	2.5	19.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			15/12/2025	12/12/2025	11/12/2025	10/12/2025	09/12/2025	08/12/2025	05/12/2025	04/12/2025	03/12/2025	02/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	40%	41%	50%	50%	51%	54%	54%	54%	52%	51%
		Dưới	60%	59%	50%	50%	49%	46%	46%	46%	48%	49%
	MA50	Trên	25%	25%	35%	36%	36%	38%	40%	44%	39%	34%
		Dưới	75%	75%	65%	64%	64%	62%	60%	56%	61%	66%
	MA20	Trên	20%	19%	33%	35%	38%	40%	49%	57%	46%	40%
		Dưới	80%	81%	67%	65%	62%	60%	51%	43%	54%	60%
VN30	MA200	Trên	63%	57%	73%	73%	73%	77%	73%	77%	77%	73%
		Dưới	37%	43%	27%	27%	27%	23%	27%	23%	23%	27%
	MA50	Trên	17%	13%	33%	37%	33%	40%	43%	57%	57%	43%
		Dưới	83%	87%	67%	63%	67%	60%	57%	43%	43%	57%
	MA20	Trên	7%	10%	23%	40%	40%	43%	67%	90%	73%	57%
		Dưới	93%	90%	77%	60%	60%	57%	33%	10%	27%	43%
HNX	MA200	Trên	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%	49%
		Dưới	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%	51%
	MA50	Trên	34%	34%	36%	35%	36%	38%	38%	39%	39%	36%
		Dưới	66%	66%	64%	65%	64%	62%	62%	61%	61%	64%
	MA20	Trên	43%	40%	45%	44%	45%	47%	49%	49%	48%	49%
		Dưới	57%	60%	55%	56%	55%	53%	51%	51%	52%	51%
UPCOM	MA200	Trên	32%	30%	33%	35%	36%	37%	36%	37%	36%	34%
		Dưới	68%	70%	67%	65%	64%	63%	64%	63%	64%	66%
	MA50	Trên	36%	34%	36%	38%	37%	38%	38%	37%	36%	35%
		Dưới	64%	66%	64%	62%	63%	62%	62%	63%	64%	65%
	MA20	Trên	41%	41%	42%	42%	43%	43%	43%	43%	43%	42%
		Dưới	59%	59%	58%	58%	57%	57%	57%	57%	57%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 12												Tháng 11							
	15 ↓	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	25	24	21	20	19	18
1 Y tế	63	66	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	-	-	-	-	-	-
2 Công nghệ Thông tin	55	58	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	46	52	55	53	55	64
3 Bán lẻ	46	63	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	67	70	76	77	80	76
! 4 Thực phẩm và đồ uống...	46	51	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	57	56	58	58	59	56
~ 5 Du lịch và Giải trí	45	50	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	45	42	43	42	44	40
~ 6 Hàng cá nhân & Gia ...	42	47	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	61	64	64	65	66	60
! 7 Xây dựng và Vật liệu	38	50	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	41	41	42	43	44	43
~ 8 Điện, nước & xăng d...	36	44	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	60	63	67	67	65	61
~ 9 Tài nguyên Cơ bản	36	43	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	47	50	51	52	54	49
~ 10 Hóa chất	36	44	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	54	54	56	57	57	54
~ 11 Bảo hiểm	35	44	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	47	55	60	58	60	57
~ 12 Hàng & Dịch vụ Côn...	34	43	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	44	45	48	42	46	43
~ 13 Ngân hàng	31	37	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	29	29	31	33	35	29
~ 14 Dầu khí	31	42	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	46	50	57	61	63	65
~ 15 Bất động sản	26	37	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	50	51	44	45	46	44
! 16 Ô tô và phụ tùng	22	28	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	41	44	43	45	48	46
! 17 Dịch vụ tài chính	13	16	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	18	19	18	19	22	19

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPI	59,000	3.3%	1.4%	18,883	3.7	51.4	1,149	118.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	175,300	-0.4%	12.4%	14,350	4.6	12.0	14,639	71.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BAF	35,500	1.6%	4.6%	10,793	2.5	20.7	1,715	134.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QCG	18,800	6.8%	27.0%	5,172	1.2	46.0	408	33.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	15,300	-1.6%	3.4%	2,600	1.4	46.0	333	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCA	15,300	0.0%	19.5%	771	0.8	-10.3	-1,494	5.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	46,750	6.6%	0.8%	108,054	2.5	19.6	2,390	210.0	Tích cực	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PNJ	90,900	1.2%	1.7%	31,010	2.6	13.2	6,915	50.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DBC	27,700	4.1%	0.4%	10,661	1.4	6.7	4,150	203.7	Tích cực	7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ELC	22,900	-0.2%	1.8%	2,521	2.0	17.9	1,277	21.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	34,350	-0.1%	4.9%	2,102	2.3	17.4	1,974	15.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTF	3,600	-4.8%	3.7%	1,417	8.3	56.5	64	23.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	60,000	3.4%	5.1%	883	1.9	9.0	6,686	7.4	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SBS	6,000	0.0%	7.1%	896	3.8	-16.4	-373	7.2	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	6,400	-1.5%	0.0%	727	0.8	25.7	249	5.8	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	142,900	-0.8%	-6.4%	1,101,192	7.6	124.6	1,147	743.3	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	50,500	1.0%	-5.1%	64,769	2.9	15.0	3,373	76.8	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	25,500	-1.9%	-2.3%	28,309	2.4	-66.3	-389	36.6	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	62,000	3.0%	-2.4%	129,577	3.8	14.9	4,160	261.9	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TLG	52,800	1.5%	-14.4%	5,097	2.0	12.1	4,374	24.1	Trung tính	3.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIB	17,150	-0.9%	-6.5%	58,379	1.3	7.7	2,225	123.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	33,900	-0.3%	-2.3%	45,040	1.5	5.9	5,767	9.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	38,050	-2.4%	-11.7%	34,336	2.1	16.5	2,313	266.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	29,600	-3.0%	-11.4%	33,218	1.8	34.5	857	181.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	19,000	-3.6%	-13.8%	18,616	1.6	90.1	211	229.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	16,300	-2.7%	-11.7%	18,132	1.5	40.8	400	223.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,100	-1.2%	-7.3%	17,979	2.0	13.0	3,090	20.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	17,950	-3.5%	-10.7%	16,372	1.4	22.4	801	97.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,200	-5.2%	-13.0%	15,138	1.5	14.6	2,132	85.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	17,450	-3.3%	-12.8%	13,898	1.7	34.5	506	264.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	15,400	0.0%	-6.7%	9,563	0.8	13.1	1,178	51.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVF	10,900	0.0%	-8.4%	8,290	0.9	9.6	1,140	45.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	35,100	-2.0%	-3.7%	7,432	2.4	19.2	1,833	10.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,750	-0.5%	-9.3%	6,768	1.3	7.9	1,364	30.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	14,600	0.0%	-7.3%	6,535	0.9	25.6	571	53.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	23,850	-0.6%	-8.6%	4,764	1.7	7.8	3,057	51.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	16,750	-0.9%	-6.9%	4,556	1.5	18.6	902	16.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBD	48,050	-1.9%	-3.9%	4,540	2.7	15.4	3,117	21.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	7,200	-3.1%	-10.2%	3,100	0.6	92.2	78	32.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	26,550	-0.2%	-4.0%	2,975	1.2	10.5	2,535	23.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	29,600	-2.95%	-11.38%	48,500	59.0%	857	1.8	34.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	31,200	-5.17%	-12.97%	52,100	58.4%	2,132	1.5	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,100	-1.23%	-7.28%	64,100	57.9%	3,090	2.0	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,100	1.40%	-4.24%	54,000	51.7%	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,750	-0.59%	0.00%	25,500	51.3%	178	1.3	94.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NVL	13,300	-0.37%	-9.52%	20,000	49.8%	(1,947)	0.7	-6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,150	0.77%	-8.13%	13,600	49.8%	639	0.8	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,200	0.69%	-3.79%	42,400	46.2%	1,763	1.7	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,400	1.07%	-3.40%	40,800	45.2%	1,874	2.3	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	32,100	-0.31%	-5.03%	46,600	44.7%	3,578	1.6	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	16,300	-2.69%	-11.65%	24,000	43.3%	400	1.5	40.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,500	3.58%	-7.41%	38,000	43.1%	2,603	1.4	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACB	23,550	0.21%	-2.69%	33,300	41.7%	3,385	1.3	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	32,000	0.00%	-6.43%	44,800	40.0%	3,111	1.4	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,100	-1.70%	-4.93%	73,900	39.4%	5,474	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,000	2.65%	-2.52%	42,100	39.4%	2,841	1.1	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSN	73,500	0.00%	-5.65%	101,200	37.7%	2,196	3.2	33.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,250	0.96%	-1.87%	35,700	37.3%	1,876	1.6	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	58,500	1.92%	-1.68%	78,200	36.2%	3,499	2.0	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	23,750	-1.04%	-6.13%	32,500	35.4%	3,017	1.5	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn